TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2017/DS-ST
Ngày: 10-8-2017
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, Ông Nguyễn Xuân Hào.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST-DS, ngày 07/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C.
Địa chỉ: Tòa nhà C, bán đảo L, quận H, Tp Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Mai Văn N – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có mặt).
Địa chỉ: Số 01B, đường N, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1962 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).
Trú tại: Bon Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thu L, sinh năm 1969 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).
Trú tại: Bon Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Văn N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:

Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M khởi kiện vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" vì hộ ông Trần Ngọc T được tổ tiết kiệm và vay vốn, hội Đoàn thanh niên xã Đ, huyện M bình xét vay vốn; Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận là đối tượng thụ hưởng và được Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M phê duyệt cho vay số tiền 40.951.000 đồng, cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng vay vốn số NS30660 ký kết ngày 18/12/2012 được Ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền là 8.000.000 đồng, mục đích cho vay chương trình nước sạch, thời hạn thanh toán nợ ngày 12/3/2017, đến nay ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L còn nợ số tiền gốc là 8.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/8/2017 là 2.256.000 đồng. Trong đó tiền lãi trong hạn là 1.754.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 502.000 đồng.

Đối với hợp đồng vay vốn số SV20523 ký kết ngày 15/11/2011 được Ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền 25.500.000 đồng, mục đích cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay, thời hạn thanh toán nợ ngày 12/3/2017, đến nay ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L còn nợ số tiền gốc là 25.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10/8/2017 là 5.195.000 đồng. Trong đó tiền lãi trong hạn là 4.039.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.156.000 đồng.

Do đó với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa ông yêu cầu ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị Thu L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Đắk Nông tổng số tiền tính đến ngày 10/8/2017 là 40.951.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 33.500.000 đồng, tiền lãi là 7.451.000 đồng.

- Theo lời trình bày của bị đơn ông Trần Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Ngày 15/11/2011 ông và Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M có ký kết hợp đồng vay vốn số SV20523 và được Ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền 25.500.000 đồng, mục đích cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay, thời hạn thanh toán ngày 12/3/2017 và cho đến thời điểm hiện nay ông vẫn chưa thanh toán được tiền gốc và lãi suất phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 18/12/2012 ông và Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M có ký kết hợp đồng vay vốn số NS30660 và được Ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền 8.000.000 đồng, mục đích cho vay chương trình nước sạch, thời hạn thanh toán ngày 12/3/2017 và cho đến thời điểm hiện nay ông vẫn chưa thanh toán được tiền gốc và lãi suất phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Đối với hai hợp đồng vay vốn trên ông thừa nhận còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M số tiền gốc là 33.500.000 đồng. Ông đồng ý thanh toán số

tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin thanh toán vào tháng 11 năm 2017.

- Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu L trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Bà thừa nhận gia đình có vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M về các khoản vay thì bà đồng ý với ý kiến của ông Trần Ngọc T đưa ra và không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị: Căn cứ Điều 26, Điều 33, Điều 41, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Đắk Nông số tiền gốc là 33.500.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về án phí DSST: Ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn ông Trần Ngọc T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu L có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nhận định:

Theo sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn ngày 10/11/2011 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ ngày 15/11/2011 mã số SV20523 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C và gia đình ông Trần Ngọc T thì ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L được Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Đắk Nông phê duyệt cho vay số tiền 25.500.000 đồng, mục đích cho vay theo chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, thời hạn thanh toán vào ngày 12/3/2017, lãi suất trong hạn là 0,650%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng; Theo sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn ngày 18/12/2012 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – Thu nợ - Dư nợ mã số NS30660 ngày 18/12/2012 giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và gia đình ông Trần Ngọc T thì ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L được Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Đắk Nông phê duyệt cho vay số tiền 8.000.000 đồng, mục đích cho vay theo chương trình nước sạch, thời hạn thanh toán vào ngày 12/3/2017, lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 11.7%/tháng. Đối với hai hợp đồng vay vốn trên các đương sự đều thừa nhận có việc ký kết hợp đồng để vay vốn, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil công nhận hợp đồng vay vốn giữa phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, tỉnh Đắk Nông và ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L là có thật và hợp pháp. Về nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự.

Khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 cũng quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

Đối với yêu cầu khởi kiện của phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M yêu cầu ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền đã vay theo khoản vay mã số SV20523 ngày 15/11/2011 và khoản vay mã số NS30660 ngày 18/12/2012, đến thời hạn trả nợ ngày 12/3/2017 ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L không thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình làm việc ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L cũng thừa nhận tính đến ngày 01/6/2017 ông, bà còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M tổng số tiền 39.303.484 đồng, trong đó tiền gốc là 33.500.000 đồng, tiền lãi là 5.803.482 đồng.

Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân năm 2005 cũng quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn ..."*.

Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của đương sự, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, buộc ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M tổng số tiền theo khoản vay mã số SV20523 ngày 15/11/2011 cho đến ngày 10/8/2017 là 10.256.000 đồng, trong đó tiền gốc là 8.000.000 đồng, tiền lãi là 2.256.000 đồng (lãi trong hạn 1.754.000 đồng, lãi quá hạn 502.000 đồng) và khoản vay mã số NS30660 ngày 18/12/2012 cho đến ngày 10/8/2017 là 30.695.000 đồng, trong đó tiền gốc là 25.500.000 đồng, tiền lãi là 5.195.000 đồng (lãi trong hạn 4.039.000 đồng, lãi quá hạn 1.156.000 đồng).

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L phải chịu án phí (40.951.000đồng x 5% = 2.047.500đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL, ngày 17/8/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án TAND Tối cao

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M, buộc ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện M số tiền tính tới ngày 10/8/2017 là 40.951.000 đ (Bốn mươi triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn đồng). Trong đó: Đối với khoản vay mã số SV20523, ngày 15/11/2011 số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 1.754.400đ (Một triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm đồng), tiền lãi quá hạn là 502.000đ (Năm trăm lẻ hai nghìn đồng); Đối với khoản vay mã số NS30660, ngày 18/12/2012 số tiền nợ gốc là 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là

4.039.000đ (Bốn triệu không trăm ba chín nghìn đồng), tiền lãi quá hạn là 1.156.000đ (Một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc T, bà Trần Thị Thu L phải nộp 2.047.500 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí DSST.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
-Các đương sự;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh